

Văn học Phật giáo là một bộ phận cấu thành quan trọng của Văn học Việt Nam. Bộ phận này gắn với triết học Phật giáo và môn học Phật giáo nói chung, thi nhân học và môn học thi nhân nói riêng thông qua trung gian ảnh hưởng và liên quan đến bốn thể loại văn và giới thoát luận. Phật giáo Thiền tông quan niệm “Phật tính bình đẳng”; “Nhất chân pháp giới” thể tính bốn thể của mọi chúng sinh bao gồm các loài hữu tình và vô tình đều không khác nhau. Truy thủ, ngộ nhập, sống trong và với con người thế, với chân tâm Phật tánh trong mọi chúng sinh là mục tiêu lý tưởng của cuộc đời của các văn sĩ Phật giáo. Đây chính là sự giới thoát với ý nghĩa cao nhất, vượt lên nhĩ, thoát ra ngoài mọi sự trôi bu. Sự nhất quán này thể hiện rõ trong học thuật văn học Phật giáo, mà toàn bộ các tác phẩm thể hiện thể Lý Tru là minh chứng xác thực.

Thật khó có thể tìm hiểu một cách rõ ràng một hiện tượng văn học nói chung, một tác phẩm văn học nói riêng mà bỏ qua việc tìm hiểu ngôn ngữ nghệ thuật. Bởi vì văn học là nghệ thuật ngôn từ, mà ngôn ngữ là yếu tố thể hiện của văn học. Do đó, muốn khám phá một cách toàn diện một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ nào không thể không nghiên cứu nghiêm túc và phê phán đối với ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm.

Với sự phát triển của các phương pháp nghiên cứu văn học hiện nay, thì văn bản nghệ thuật trong tính chất của nó là cơ sở khách quan quan trọng nhất để nghiên cứu tác phẩm, mà các quy tắc về ngôn ngữ là thể thức tiếp và đầu tiên. Nghiên cứu tác phẩm văn học là phải hiểu rõ toàn bộ ngữ cảnh, mà ngữ cảnh thể thức tiếp nhất là các quy tắc ngôn ngữ của văn bản tác phẩm. Điểu kiện cần để hiểu được ý nghĩa tác phẩm là phải hiểu rõ nghĩa của các từ, câu, đoạn và nghĩa của toàn bộ văn bản. Chính bản thân ngôn từ của tác phẩm là cái gọi là nội dung thể hiện trong ngữ cảnh, thể giới nghệ thuật trong tác phẩm văn học sinh ra từ ngôn từ. Vì vậy, nghiên cứu một cách nghiêm túc về một tác phẩm văn học là phải lý giải văn bản ngôn từ làm cơ sở. Tác giả của tác phẩm cũng thông qua đường dẫn của văn bản ngôn từ để thể hiện ý nghĩa thể của tác phẩm.

Ngôn từ là một yếu tố quan trọng trong sáu điều cần yếu dùng để đánh giá đúng một tác phẩm văn học theo quan điểm của Lưu Hi trong tác phẩm lý luận văn học kinh điển của châu Á Văn tâm điêu long: “Một là xem tác phẩm chọn thể tài nào; hai là xem nó bố trí nội văn (ngôn từ); ba là xem nó tiếp thu những gì của người đi trước và sáng tạo những gì; bốn là xem phương pháp nó biểu hiện; năm là xem ý nghĩa các điều tích nó dùng; sáu là xem âm nhạc của nó. Nếu đã thể hiện các phương pháp này thì thể ý được thể hay thể của tác phẩm”.

Bản thân ngôn từ nghệ thuật mang trong mình kinh nghiệm, thể nghiệm, trải nghiệm của chủ

tho sáng tác. Căn cứ trên văn bản ngôn từ, chúng ta sẽ khám phá ra nhiều những ý nghĩa của tác phẩm cho đến phát hiện ra; chúng không bỏ qua những bí ẩn của những nhà nghiên cứu uy tín đi trước, mà còn phát hiện những ý nghĩa mới nằm ngoài dòng tâm chủ quan của chính tác giả.

Một trong những đặc trưng khu biệt của văn học Phật giáo với những dòng văn học khác chính là cách sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật. Với quan niệm “ngôn ngữ đạo đức”, tức nói, ngôn từ hữu hạn này đây không thể diễn tả trọn vẹn và đầy đủ cái chân lý vô cùng, thể hiện rõ nét quan điểm của học phái Đông. Ngôn ngữ thông thường khó có thể diễn tả, thể hiện được trọn vẹn những thể loại: cái tĩnh mà động, thể động mà bất biến, mà thể thể, mà thể là thể thể, thể thể là thể thể và vận pháp. Ngôn ngữ văn học thi pháp Phật giáo được dùng để diễn đạt tính hàm súc. Mặc dù vậy, cái hiện ra qua bề mặt ngôn ngữ cũng chỉ là mặt phản ánh của thế giới bằng trôi, phản chiếu ý, ngôn ngữ không thể diễn tả hết được những khác biệt như chính phản còn chìm đắm trong mặt của thế giới bằng, nên tầng sau lớp tiếp theo. Cho nên ngôn ngữ của văn học thi pháp Phật giáo không có quá kỳ vọng diễn đạt một cách trọn vẹn để thể hiện mình những điều mà cần thể hiện khi gặp những tình huống linh diệu tiếp theo.

Hơn nữa, các văn sĩ Phật giáo hiểu một cách thấu đáo rằng, thế giới tiếp theo phát sinh trong đó, cho đến khi dùng nghệ thuật ngôn từ diễn đạt thành lời thể, tức vẫn còn có một khoảng cách vô hình. Bởi vì những tác gia thiên tài, thì cái khoảng cách vô hình thế giới tiếp theo ngôn từ chỉ có thể tìm thấy đến đến sẽ không chỉ hoàn toàn không thể xóa bỏ hoàn. Đó là chưa nói đến thân ngôn ngữ vốn không thể nào thể hiện được một cách trọn vẹn để thể hiện, nếu mà ngôn ngữ thì có lẽ sẽ không bao giờ tiếp cận chân lý đích thực. Nhưng tuy tác của thi ca học phái Đông thể hiện là những tác phẩm được hoàn thiện, chưa đầy đủ, chưa trọn vẹn, chưa kết thúc. Chính điều này tạo nên sự lung linh mờ ảo, huyền bí có sự sống vô hạn, sự cuốn hút vô biên không thể ngôn ngữ để thể hiện và ngôn ngữ thể hiện thể. Những tác phẩm này, không những không thể được sự nhằm chán, mà còn tạo được sự kích thích lòng lao của sự hấp dẫn trong việc khám phá được sự kỳ diệu và bí ẩn của thi ca. Đúng như cách nói của nhà Phật: Mọi người ở thế giới này có thể nhìn thấy được sự nóng lòng của nó; Ai ăn sự thể cảm nhận được mùi vị của món ăn, dù có diễn tả hay cách miêu tả cũng không nói hết được.

Ngoài những nét chung của ngôn ngữ nghệ thuật học phái Đông thể hiện trung đại, ngôn ngữ nghệ thuật của các tác phẩm văn học Phật giáo thế kỷ này chủ yếu những sâu sắc của thế giới Tam giáo nói chung, triết học Phật giáo và học Phật giáo nói riêng, nhất là thế giới học, nên được dùng để diễn đạt tính hàm súc và gợi mở. Tính chủ yếu ngoài việc không thể hiện theo nghĩa là ít ý nghĩa, có những những ý nghĩa; để thể hiện tiếp nhận có thể hiện được theo cách của sự liên tưởng, mà khi vượt ra ngoài khuôn sáo ngữ nghĩa thông thường và có của ngôn ngữ. Nói như vậy nghĩa là thông điệp của tác giả phát ra khó có thể diễn tả bằng thể duy luận lý thông thường, mà phải dùng đến trực giác. Một trong những mục đích của các tác phẩm văn học thi pháp Phật giáo là để thể hiện tiếp nhận đến tuy thế của thế giới duy lý tính,

ta nên mở mắt khi bắt đầu, khi “nghe lời”. Khi nghe lời này là đi vào kiến thức, dần dần sẽ bùng nổ, khai thông tiềm lực vô biên của trí tuệ, khi đó các giới lãnh đạo và các cấp chính quyền sẽ có tác động một cách chính xác nhất.

Đôi khi nhận quan của các tác giả, ngôn ngữ nghệ thuật trong các tác phẩm văn học thi nhân Phật giáo được xem như một “pháp” bình đẳng với các “pháp khác”, vượt ra ngoài mọi quy tắc và ý nghĩa ta nên mở mắt khi ngôn ngữ nghệ thuật mà: ngôn ngữ thi nhân, một loại siêu ngôn ngữ. Bởi vì phá vỡ quan niệm nghệ thuật và ngôn ngữ này bắt đầu cho sự bắt đầu toàn của ngôn ngữ trong việc phản ánh, biểu hiện, tái tạo hiện thực khách quan và nhất là chi tiết sâu sắc vô tận của tâm hồn người, của con người trong con người, mà ngôn ngữ thông thường khó có thể thể hiện được, nếu không muốn nói là không thể hiện được.

Thì siêu ngôn ngữ này không những không phải là một ngôn ngữ gì đó mà là một ngôn ngữ nghệ thuật được sử dụng trong phạm vi ý nghĩa văn học, mà còn mở rộng khả năng biểu hiện của ngôn ngữ đến mức tối đa, phát huy công năng của ngôn ngữ nghệ thuật đến vô giới hạn. Chỉ với siêu ngôn ngữ này mới có thể đáp ứng được nhu cầu phản ánh biểu hiện sự muôn màu muôn vẻ của cuộc sống, mà chi tiết sâu sắc của tâm hồn người là một nét màu mỡ nhất.

Tính phi lý của thi nhân kích thích mãnh liệt sự tò mò và lòng ham hiểu biết chân lý, đó là cách thức giải phóng, khai thông nghệ thuật tiềm lực vô biên của tầng trong sâu thẳm của con người. Tính chủ ý ngoài lời, âm thanh ngoài dây đàn không thể hiểu theo nghĩa lời ít ý sâu, có nhiều tầng ý nghĩa để cho người tiếp nhận, có thể lĩnh hội theo cách của sự liên tưởng mà là lúc khi còn vượt ra ngoài khuôn sáo ngôn ngữ nghĩa thông thường của ngôn ngữ.

Chúng ta cùng đọc một đoạn thơ để thấy giá trị của thi nhân và để thấy trong chúng ta một người thanh của tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh:

Học trò thưa với thầy rằng: Lý không thể nói theo hệt được, còn ham muốn có thể chết hệt được không?

Thầy trả lời: Không có thì đót, mu n có đót thì không đót. Nếu có ch y cu n cu n, ch y hoài s c n. L a cháy l m đ m, d p thì cháy bùng lên.

Học trò thưa tiếp với thầy: Có n c gì không phải là n c không?

Thầy nói rằng: Nếu n c đ c xem là n c thì không phải n c th t.

Trò hỏi tiếp: Có l a gì không phải là l a không?

Thầy đáp: Nếu l a đ c xem là l a thì đó là l a gi . Nếu c th t thì nóng đ c, l a th t thì l nh đ c. Cho nên ng i nào có ham mu n thì không ham mu n, ai không có lòng ham mu n thì ham mu n

(Ngô Thì Nh m, Trúc Lâm tông ch nguyên thanh).

Nói cách khác, thông điệp th t s mà thiền ng phát ra không th nào c m nh n tr n v n b ng t duy lu n lý thông th ng mà ch có th đ t t i b ng ph ng pháp Thiền tr c h i. Nh có ng i h i:

“Ngôn ng đ o đo n là th nào?”

Thiền sĩ Viên Chi u đáp:

Giác h ng tùy phong xuyên trúc đáo, S n nham đái nguy t quá t ng lai. (Ti ng s ng theo gió xuyên tre đ n,

Vách núi mang trăng hiên vọt tọt ng (Viên Chiếu, Tham đồ hiên quyết).

Hai câu thơ đầy hình ảnh sinh động này nếu dùng tư duy lý tính, suy luận theo câu trệch liên trệch thì sẽ rơi vào suy diễn tẻ biẻn, không thơ được đến thông điệp mà tác giả muốn thể hiện.

Độc nhĩng tác phẩm văn học thiẻn Phật giáo, ta không phải chờ độc nhĩng gì ẻ ý nghĩa của ngôn ngữ thông thẻch mà là lĩnh hội trẻc tiếp thông điệp bẻch cách “lẻy tâm hẻi tâm”, bẻch trẻc cảm, trẻc hẻi, không thông qua tư duy lý tính. Chẻ có nhẻ vẻy mới có thơ được đến cách nói nghẻch lý khác thẻch, phi luận lý, không thơ thẻy đến cẻch trong cuộc sẻch:

Độc tri đoan đích ý, Thẻch hẻ giẻ o kim ngẻ u.

(Muẻn biẻt nghĩa đích thẻt, Hẻ đá cẻn trâu vàng) (Tuẻ Trung, Thẻ đồ đồ).

Đẻ trẻ lẻi câu hẻi: Thẻ nào là bẻn ý? Thiẻn sẽ Viên Chiếu đáp bẻch hai câu thơ tuyẻt điẻ u:

Xuân chẻ hoa nhẻ cẻm, Thu lai điẻp tẻ hoàng. (Xuân đẻt hoa nhẻ gẻm, Thu vẻ lá tẻ vàng)
(Viên Chiếu, Tham đồ hiên quyết). Nhẻng câu thơ vẻi hình ảnh tuyẻt mẻ, giàu sẻc gẻi cẻm này mới nghe tẻch chẻng nhẻ chẻng ẻn nhẻp gì vẻi câu hẻi đẻt ra. Có biẻu đẻt vẻi ngôn ngữ phi luận lý nhẻ trên thì mới đẻ sẻc đẻp tan nhẻng cẻ chẻp, vẻng mẻ cẻ a ngẻẻi hẻc, nhẻm khai thông trí tuệ chân thẻt cẻ a hẻ.

Mẻt đẻc trẻng nẻ a cẻ a ngôn ngữ thẻ thiẻn là vô ngôn. Đẻ biẻu lẻ, hiẻn bày chân tâm trong sáng, u hẻyẻn, tẻch điẻ u, không màu không mùi, không hình không dáng, không vuẻng không tròn, hẻc điẻn tẻ trẻng huẻng giác ngẻ, bùng vẻ chân lý, giây phút thăng hoa trí tuệ không gì hẻn là vô ngôn. Cùng vẻi thiẻn ngữ (siẻu ngôn ngữ), vô ngôn sẽ bẻ túc thêm cho sẻ bẻt toàn, bẻt cẻp cẻ a ngôn ngữ.

Ngôn ngữ nghẻ thuẻt, dù đẻẻc sẻ đẻng tuyẻt điẻ u đẻn đâu đi chẻng nẻ a, cũng mang mẻt ý nghĩa giẻi hẻn nhẻt đẻ nhẻ nào đó, vô ngôn đẻ a nó đẻn cõi vô hẻn.

Hãy lòng cùng Trọn Quang Trọn hòa mình vào cội nh chi u hôm nay i ngôi chùa c trong bài
Đ Gia Lâm :

... Xuân vẫn hoa dung b c, Lâm u thi n v n tr ng.

Vũ thu thiên nh t bích,

Trì tĩnh nguy t phân l ng. Khách kh tăng vô ng , Tùng hoa mẫn đ a h ng.

(Xuân chày hoa m ng m nh, R ng v ng ti ng ve ngân. M a thu tr i xanh bi c,

Áo nh hi n bóng trắng. Khách v tăng không nói, Hoa tùng ngát c sân)

Lúc này, th t không m t ngôn ng nào di n t h t đ c cái không gian trong sáng c a c nh.
C nh v t thanh u, tĩnh l ng, không khí mát m . M t s thanh khi t vô biên tuy t di u c a đ t
tr i khi n cho con ng i thanh l c h t m i u t phi n nảo, v ng m c, đ đ t t i s yên bình,
an l c, thanh th n vô h n.

Chúng tôi nghĩ r ng, “Thi n ng ” và “vô ngôn” ...là nh ng đ i t ng đ c bi t, là m nh đ t vô
cùng màu m , có s c h p đ n và lôi cu n l k , r t c n đ c gi i nghiên c u văn h c, sáng tác
văn h c chú ý khai thác, sáng t o h u làm cho đ i s ng văn h c Ph t giáo nói riêng, văn h c
dân t c nói chung càng thêm đa đ ng, phong phú.

TS.THT

Chú thích:

1. Lưu Hữu Phước (1999), Văn tâm điều long, Nxb Văn học, Phan Ngọc dịch và chú thích, trang 273, 274.